

LESSON 1**I. NEW WORDS**

- school thing	: đồ dùng học tập
- pen	: bút
- ruler	: thước kẻ
- school bag	: cặp sách
- look	: nhìn, xem
- have/ has	: có
- nice	: đẹp, xinh đẹp
- too (cuối câu)	: cũng